

Bản án số: 15/2020/HS-PT

Ngày: 19/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Ông Đinh Xuân Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Anh Thơ - Thư ký TAND tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Khương- Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 220/2019/TLPT-HS ngày 30 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Nguyễn Viết D do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 71/2019/HS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

* Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Viết D**, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn C, xã V, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết C (đã chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1963; Có vợ là Nguyễn Thị B, sinh năm 1983 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/07/2019 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra trong vụ án còn có những bị hại là anh Nguyễn Viết Tr và chị Trần Thị Ch; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị B không kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo của bị cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2017, anh Nguyễn Viết Tr bị Công an huyện Y, tỉnh Yên Bái khởi tố và tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 30/10/2017, anh Tr được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Sau khi được tại ngoại trở về địa phương, Nguyễn Viết Tr sợ sau này với hành vi lừa đảo của mình sẽ bị Tòa án nhân dân huyện Yên Bình xử phạt tù giam nên Tr đến nhà cháu họ là Nguyễn Viết D ở cùng thôn để nhờ D giúp chạy án treo cho Tr. Khi được Tr nhờ, thì D nói sẽ hỏi giúp Tr. Mặc dù bản thân không có khả năng và cũng không quen biết ai có thể chạy xin hưởng án treo cho Tr nhưng do đang cần tiền nên D nảy sinh ý định lừa anh Tr để anh Tr đưa tiền cho D và chiếm đoạt số tiền này. D nói với anh Tr là D có quen một người tên S có tầm ảnh hưởng và có mối quan hệ có thể lo cho án treo cho anh Tr và bảo anh Tr lo án treo hết số tiền là 90.000.000đ. Do tin tưởng nên anh Tr đồng ý và về nhà bàn bạc với vợ là chị Trần Thị Ch để lo chạy tiền đưa cho D. Sau đó, chị Ch đến nhà bố mẹ đẻ là ông Trần Văn Ch1 và bà Lê Thị Ph vay số tiền là 110.000.000đ. Sau khi vay được tiền, chị Ch và anh Tr mang tiền đến nhà D để đưa cho D như thỏa thuận. Khi đến, chị Ch đứng ngoài còn anh Tr trực tiếp vào nhà D đưa tiền cho D. Số tiền có được, D không sử dụng để lo chạy án treo cho anh Tr mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 06/3/2018, Tòa án nhân dân huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và tuyên phạt anh Tr 03 năm tù giam. Sau khi phiên tòa kết thúc, Tr có gọi điện cho D thì D bảo lo hết rồi, cứ về đi. Khi về đến nhà, Tr có đi sang nhà D để hỏi xem thế nào thì D bảo Tr cứ yên tâm viết đơn kháng cáo để lo án treo tại cấp phúc thẩm. Do tin tưởng nên anh Tr đồng ý làm đơn kháng cáo như lời D. Ngày 05/4/2018, D gọi anh Tr đến nhà D và nói D đã nhờ được người lo cho anh Tr được hưởng án treo nhưng phải mất 160 triệu đồng và bảo anh Tr đưa thêm 70 triệu đồng nữa. Quá trình nói chuyện, anh Tr đã sử dụng điện thoại di động của mình ghi âm lại cuộc nói chuyện nêu trên. Sau đó, anh Tr về bàn bạc với vợ và bảo chị Ch đi vay thêm tiền để đưa cho D. Chị Ch tiếp tục đến nhà bố mẹ đẻ chị Ch là ông Ch1, bà Ph vay thêm số tiền 50.000.000đ. Sau khi vay được tiền, ngày 06/4/2018, chị Ch đưa cho anh Tr 65.000.000đ rồi cùng anh Tr đến đưa cho D, quá trình đưa tiền, chị Ch và anh Tr có dùng điện thoại ghi âm lại nội dung diễn biến quá trình nói chuyện giữa các bên. Khi đưa tiền cho D, anh Tr bảo D cứ ứng trước 05 triệu đồng cho anh Tr vay thì D đồng ý. Để tạo niềm tin, D và anh Tr viết một tờ giấy vay nợ, nội dung D

vay của anh Tr số tiền 160 triệu đồng và nhờ ông Bùi Hữu T1 là trưởng công an xã V ký xác nhận. Số tiền 5.000.000đ mà anh Tr nhờ D ứng, sau đó anh Tr đã thanh toán đầy đủ cho D. Do sợ D không lo án treo cho anh Tr được nên chị Ch có viết một tờ giấy cam kết, với nội dung D nhận 160 triệu đồng của vợ anh Tr để lo việc cho anh Tr và bảo anh Tr mang đến cho D ký. Sau khi D ký, vợ chồng anh Tr nhờ anh Nguyễn Hữu Ú ở cùng thôn ký chứng kiến. Toàn bộ số tiền có được, D không sử dụng lo chạy án treo cho anh Tr mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Ngày 18/6/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm, tuyên giữ nguyên án sơ thẩm, xử phạt Nguyễn Viết Tr 03 năm tù giam. Đến khi nhận được bản án và quyết định thi hành án, anh Tr và chị Ch đã nhiều lần liên hệ với D để hỏi và đòi lại tiền thì D hứa hẹn và lấy nhiều lý do không trả lại. Quá trình đến gặp D để đòi tiền, ngày 30/8/2019, chị Ch cùng em trai là Trần Văn Đ đã gặp nói chuyện với D và dùng điện thoại ghi âm lại nội dung việc đòi tiền với D.

Ngày 29/11/2018, chị Ch làm đơn trình báo gửi Công an huyện Gia Bình và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2018, chị Trần Thị Ch đã đến Văn phòng thừa phát lại K, thành phố B yêu cầu lập vi bằng đối với 02 đoạn ghi âm các ngày 05/4/2018 và 30/8/2018 trong điện thoại của anh Tr. Văn phòng thừa phát lại K đã lập vi bằng và lưu giữ 02 đoạn ghi âm trên vào 06 đĩa CD lưu trữ tập tin kèm theo vi bằng (mỗi đoạn ghi âm được lưu thành 03 đĩa CD). Ngày 11/12/2018, chị Ch giao nộp toàn bộ vi bằng và các đĩa CD trên cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình để điều tra theo quy định; Ngày 27/12/2018, Nguyễn Viết D1 giao nộp 01 giấy vay tiền được lập giữa D và vợ chồng anh Tr, chị Ch; Ngày 21/01/2019, chị Ch giao nộp 01 giấy cam kết lo chạy việc có chữ ký của anh Tr, chị Ch, D và người làm chứng; Ngày 05/3/2019, chị Ch tiếp tục giao nộp 01 đĩa CD nhãn hiệu Maxell, bên trong chứa tập tin “Track01.cda” là đoạn ghi âm khi chị Ch và anh Tr đến giao tiền cho D ngày 06/4/2018.

Ngày 14/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình ra quyết định Trưng cầu giám định số 13, trưng cầu Viện khoa học hình sự- Bộ Công an giám định âm thanh, xác định giọng nói của Nguyễn Viết D trong mẫu so sánh có trong mẫu giám định không? Dịch nội dung các đoạn hội thoại trong mẫu cần giám định thành văn bản? Các file trong mẫu cần giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa không?

Tại bản kết luận giám định số 7047/C09- P6 ngày 26/02/2019 của Viện khoa học hình sự- Bộ Công an kết luận:

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng “em”, “cháu” trong mẫu cần giám định với tiếng nói của Nguyễn Viết D trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Không phát hiện dấu vết cắt ghép trong file: 16- 04- 52 ngày 05 tháng 04 năm 2018.mp3. Trong file: 15- 58- 06 ngày 30 tháng 8 năm 2018.mp3 có dấu vết không liên tục tại thời điểm 02 phút 36 giây.

+ Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Ngày 23/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình ra quyết định số 32 trưng cầu phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh giám định chữ viết, chữ ký trong giấy cam kết (ký hiệu A1), giấy vay tiền (ký hiệu A2) kèm theo mẫu vật cần giám định và mẫu so sánh gồm đơn đề nghị của Trần Thị Ch (ký hiệu M1), bản tường trình của Nguyễn Viết Tr (ký hiệu M2), bản tự khai của Nguyễn Viết D (ký hiệu M3).

Tại bản kết luận giám định số 35/KLGĐTL- PC09 ngày 25/01/2019 kết luận:

+ Chữ viết, chữ ký đứng tên Trần Thị Ch dưới mục “Người giao tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Ch trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ viết của Trần Thị Ch trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 là do cùng một người viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Viết Tr dưới mục “người cho vay trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Viết Tr trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Viết D dưới mục “Người viết giấy” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục “người vay” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Viết D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết phần nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ viết của Nguyễn Viết D trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M3 là do cùng một người viết ra.

Ngày 30/01/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình ra quyết định số 36 Trưng cầu Viện khoa học hình sự - Bộ công an giám định âm thanh, xác định giọng nói của Nguyễn Viết Tr, Trần Thị Ch trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định là 02 đĩa CD mà chị Ch cung cấp hay không?

Tại bản kết luận số 629/C09- P6 ngày 18/3/2019 của Viện khoa học hình sự- Bộ công an kết luận:

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng “chú”, “tao” trong mẫu cần giám định với tiếng nói của Nguyễn Viết Tr trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Tiếng nói của người phụ nữ xưng “thím”, được gọi là “thím” trong mẫu cần giám định với tiếng nói của Trần Thị Ch trong mẫu so sánh là của cùng một người.

+ Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch thành văn bản.

Ngày 26/3/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Gia Bình ra quyết định số 53 trưng cầu Viện khoa học hình sự- Bộ Công an giám định âm thanh, xác định giọng nói của Nguyễn Viết D, Nguyễn Viết Tr trong mẫu so sánh có trong mẫu cần giám định là 01 đĩa CD mà chị Ch cung cấp hay không? Dịch nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định thành văn bản? File trong mẫu cần giám định có bị cắt ghép, chỉnh sửa không?

Tại kết luận giám định số 1593/C09- P6 ngày 10/6/2019 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận:

+ Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định;

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng là “chú” trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Viết Tr trong mẫu so sánh là của cùng một người;

+ Tiếng nói của người đàn ông xưng là “cháu” trong tập tin âm thanh trong mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Viết D trong mẫu so sánh là của cùng một người;

+ Nội dung các cuộc hội thoại trong mẫu cần giám định đã được dịch ra thành văn bản.

Với nội dung trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2019/HSST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh đã tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Viết D 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 05/7/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/12/2019 bị cáo Nguyễn Viết D kháng cáo xin giảm mức hình phạt. Tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo trình bày: bản án sơ thẩm xử bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng nhưng hình phạt 42 tháng tù là

quá nặng. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với lý do sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo tiếp tục bồi thường cho phía bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Viết D đã khai nhận về hành vi phạm tội của mình như Bản án sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những bị hại, người làm chứng và kết luận giám định của cơ quan chuyên môn và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: do không có tiền chi tiêu cá nhân nên khi được anh Nguyễn Viết Tr nhờ chạy án, bị cáo D đã lợi dụng lòng tin và sự thiếu hiểu biết pháp luật của bị hại, D đã nói dối là có quen biết với người có chức vụ, quyền hạn, có thể chạy án cho anh Tr được hưởng án treo và chiếm đoạt của vợ chồng anh Tr và chị Ch 2 lần với tổng số tiền 160 triệu đồng. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự như bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Gia Bình đã tuyên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Viết D, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân và dư luận xấu trong xã hội. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xem xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Viết D, Hội đồng xét xử thấy: Trong vụ án này, bị cáo D đã 2 lần dùng thủ đoạn gian dối để nhận tiền của bị hại (mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành cơ bản), do vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 2 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS 2015, án sơ thẩm không áp dụng tình tiết này là trái với

nguyên tắc xử lý trách nhiệm hình sự, không đánh giá đúng nhân thân, thái độ chấp hành pháp luật của người phạm tội. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm thì nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị nên do giới hạn xét xử phúc thẩm, HĐXX không áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này đối với bị cáo nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, đồng thời áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Mặc dù, bản án sơ thẩm xác định bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là không đúng. Tuy nhiên, mức hình phạt 42 tháng tù Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo tiếp tục bồi thường cho phía bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nhưng bị cáo không xuất trình được tài liệu chứng minh nên không có căn cứ để chấp nhận. Ngoài ra, bị cáo không cung cấp được bất kỳ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới, do đó không có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Viết D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 347 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Viết D 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 05/7/2019.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Viết D 45 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm để đảm bảo thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bị cáo Nguyễn Viết D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1- TAND tối cao; TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng PC 10- CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- CQĐT; VKS; TAND huyện Gia Bình;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hữu Hòa